

6.1.2.4. Phân tích mối quan hệ giữa tình hình lưu chuyển tiền tệ với các chỉ tiêu tài chính khác

a. Mối quan hệ giữa tình hình lưu chuyển tiền tệ với doanh thu, lợi nhuận

Việc xem xét mối quan hệ giữa tình hình lưu chuyển tiền tệ với doanh thu, lợi nhuận sẽ giúp nhà phân tích đánh giá được khả năng sinh tiền của doanh thu hay lợi nhuận. Nói một cách khác, nội dung này sẽ cho biết cứ 100 đồng (hoặc một đồng) doanh thu hay lợi nhuận mà doanh nghiệp tạo ra được trong kỳ thì doanh nghiệp sẽ thu được bao nhiêu đồng lưu chuyển tiền thuần. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong khi lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính thể hiện sự tài trợ từ bên ngoài (đi vay hoặc tăng thêm vốn góp của chủ sở hữu) hay lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư thường thể hiện sự thu hẹp quy mô đầu tư của doanh nghiệp (do bán bớt tài sản cố định hay thu hồi các khoản đầu tư tài chính) thì ngược lại lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh lại là hoạt động chính tạo ra tiền, phản ánh khả năng tạo vốn từ nội tại của chính doanh nghiệp (thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ). Do đó, đối với nội dung này, nhà phân tích thường sẽ tập trung phân tích mối quan hệ giữa tình hình lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh với doanh thu, lợi nhuận. Một số chỉ tiêu thường được dùng như sau:

Một là: Tỷ suất sinh tiền của doanh thu thuần:

$$\text{Tỷ suất sinh tiền của doanh thu thuần} = \frac{\text{Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh}}{\text{Tổng doanh thu thuần trong kỳ}} \times 100 \quad (6.8)$$

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu này phản ánh cứ 100 đồng doanh thu thuần thu được trong kỳ sẽ mang về cho doanh nghiệp bao nhiêu đồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ khả năng chuyển đổi từ doanh thu thuần sang tiền và tương đương tiền của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.

Hai là: Tỷ suất sinh tiền của lợi nhuận:

$$\text{Tỷ suất sinh tiền của lợi nhuận} = \frac{\text{Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh}}{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}} \times 100 \quad (6.9)$$

(Đơn vị tính: %)

Chỉ tiêu này phản ánh cứ 100 đồng lợi nhuận sau thuế thu được trong kỳ thì tương ứng doanh nghiệp có được bao nhiêu đồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ chất lượng của lợi nhuận càng cao và ngược lại.

b. Mối quan hệ giữa tình hình lưu chuyển tiền tệ và khả năng thanh toán

Khi phân tích mối quan hệ giữa tình hình lưu chuyển tiền tệ và khả năng thanh toán, nhà phân tích có thể tính toán và phân tích một số chỉ tiêu sau đây.

Một là: Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của tiền và tương đương tiền

$$\frac{\text{Hệ số khả năng thanh toán}}{\text{nợ ngắn hạn của tiền và}} = \frac{\text{Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ}}{\text{Tổng giá trị nợ ngắn hạn bình}} \quad (6.10)$$

tương đương tiền *quân trong kỳ*

(Đơn vị tính: lần)

Chỉ tiêu này cho biết với số tiền thuần tạo ra từ các hoạt động trong kỳ (hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính), doanh nghiệp có đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong kỳ hay không.

Bên cạnh đó, nhà phân tích cần tập trung vào luồng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Hai là: Hệ số khả năng thanh toán nợ của luồng tiền từ hoạt động kinh doanh

$$\frac{\text{Hệ số khả năng}}{\text{thanh toán nợ của}} = \frac{\text{Lưu chuyển tiền thuần từ}}{\text{HĐKD trong kỳ}} \quad (6.11)$$

luồng tiền từ HĐKD *Tổng giá trị nợ phải trả bình*
quân trong kỳ

(Đơn vị tính: lần)

Chỉ tiêu này cho biết, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ có đủ để thanh toán các khoản nợ mà doanh nghiệp phải trả hay không. Nói một cách khác, chỉ tiêu này phản ánh một đồng nợ phải trả bình quân được đảm bảo bởi mấy đồng tiền và tương đương tiền lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh.

Ba là: Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của luồng tiền từ hoạt động kinh doanh

$$\frac{\text{Hệ số khả năng thanh}}{\text{toán nợ ngắn hạn của}} = \frac{\text{Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD trong kỳ}}{\text{Tổng giá trị nợ phải trả ngắn hạn trong kỳ}} \quad (6.12)$$

luồng tiền từ HĐKD

(Đơn vị tính: lần)

Chỉ tiêu này cho biết, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ có đủ để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn (kể cả nợ dài hạn đến hạn trả) mà doanh nghiệp phải trả trong kỳ hay không.

Bốn là: Hệ số khả năng chi trả cổ tức

$$\frac{\text{Hệ số khả năng chi trả cổ tức}}{\text{Hệ số khả năng chi trả cổ tức}} = \frac{\text{Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD trong kỳ}}{\text{Cổ tức phải trả}} \quad (6.13)$$

(Đơn vị tính: lần)

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng chi trả cổ tức từ lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Vì vậy, đây là chỉ tiêu được các nhà đầu tư và chủ sở hữu của doanh nghiệp hết sức quan tâm.